

2. Xử lý người điều khiển mô tô, xe máy vi phạm:

a) Phạt 50.000 đồng đối với hành vi đi không đúng phần đường quy định hoặc đỗ, dừng xe ở lòng đường, những nơi cấm đỗ, cấm dừng.

b) Phạt tiền 100.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe chạy vượt quá tốc độ quy định, đi vào đường ngược chiều; không nhường đường cho xe ưu tiên hoặc xe khác đã có tín hiệu xin vượt theo quy định.

c) Phạt 1.000.000 đồng đối với hành vi lạng lách, đánh võng, đi xe bằng một bánh trên đường giao thông.

3. Xử phạt người điều khiển xe ô tô vi phạm:

a) Phạt 100.000 đồng đối với hành vi điều khiển các loại xe không đi đúng phần đường quy định hoặc đỗ xe, dừng xe, tránh xe, vượt xe, lùi xe, quay đầu xe, rẽ phải, rẽ trái không đúng quy định.

b) Phạt tiền 300.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định; không nhường đường cho xe khác khi có tín hiệu xin vượt hoặc không nhường đường cho xe đi trên đường chính; điều khiển xe chở đất, cát, vật liệu xây dựng hoặc các loại hàng hóa khác không có dụng cụ che phủ hoặc không có biện pháp bảo đảm an toàn.

c) Phạt tiền 2.000.000 đồng đối với hành vi gây tai nạn rồi chạy trốn nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Xử phạt các hành vi gây ô nhiễm môi trường trong giao thông:

Phạt tiền 100.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- Làm đổ dầu nhờn, bùn lầy trên mặt đường giao thông.

- Người kéo xe, đẩy xe, mang vác đống đất, cát, rác hoặc các chất phế thải khác rơi vãi trên đường giao thông.

- Vứt xác súc vật, rác hoặc chất phế thải khác ra đường giao thông.

5. Xử phạt các hành vi làm hư hại môi trường giao thông:

a) Phạt tiền 100.000 đồng đối với hành vi be bờ, tát nước qua mặt đường giao thông.

b) Phạt tiền 1.000.000 đồng đối với hành vi tự ý di chuyển mốc chỉ giới của đường giao thông.

c) Phạt tiền 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- Trộm cắp, tháo dỡ, làm hư hỏng cấu kiện, phụ kiện ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

- Khoan, đào đường giao thông trái phép hoặc làm hư hại, mất tác dụng hệ thống thoát nước, hệ thống an toàn giao thông hoặc tự ý mở đường có dải phân cách.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TƯ số 02/2000/TT-BKH ngày 12/1/2000 hướng dẫn thực hiện Quy chế Chuyên gia nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 211/1998/QĐ-TTg ngày 31/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số 211/1998/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA ở Việt Nam;

Để quản lý chặt chẽ việc sử dụng chuyên gia của các chương trình, dự án ODA cũng như bảo đảm thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của các chuyên gia này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng của Quy chế Chuyên gia nước ngoài được quy định tại Điều 1 và được giải thích cùng một số thuật ngữ khác như quy định tại Điều 5 của Quy chế Chuyên gia nước ngoài, nay hướng dẫn cụ thể:

a) Bên nước ngoài bao gồm:

- Các Chính phủ nước ngoài;
- Các Tổ chức của Liên Hợp quốc: Chương trình Phát triển của Liên Hợp quốc (UNDP), Quỹ Dân số Liên Hợp quốc (UNFPA), Chương trình Lương thực Thế giới (WFP), Quỹ Nhi đồng Liên Hợp quốc (UNICEF), Hội nghị Thương mại và Phát triển của Liên Hợp quốc (UNCTAD), Cao ủy Liên Hợp quốc về người tị nạn (UNHCR), ...vv;

- Các tổ chức chuyên môn của Liên Hợp quốc: Tổ chức Phát triển Công nghiệp của Liên Hợp quốc (UNIDO), Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp quốc (FAO), Quỹ Trang thiết bị của Liên Hợp quốc (UNCDF), Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên Hợp quốc (UNESCO), Tổ chức Sở hữu trí tuệ Quốc tế (WIPO), Tổ chức Vận tải đường biển Quốc tế (IMO), ...vv;

- Các tổ chức tự quản của Liên Hợp quốc: Tổ chức Du lịch thế giới (OMT), cơ quan Năng lượng nguyên tử Quốc tế (IAEA), ...vv;

- Các tổ chức liên Chính phủ: Liên minh Châu Âu (EU), Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (OECD), Hiệp hội các Quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN), Tổ chức Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), cơ quan liên Chính phủ Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp (AIF), ...vv;

- Các tổ chức tài chính quốc tế và cơ quan hợp tác phát triển quốc tế: Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB); Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB); Quỹ Phát triển Bắc Âu (NIF), Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD), Quỹ các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC); Quỹ Kuwait,

Quỹ Abu Dhabi, Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC), cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), cơ quan Phát triển Pháp (AFD), ...vv (trừ Quỹ Tiền tệ Quốc tế - IMF).

b) *Chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA (gọi tắt là chuyên gia) là người có quốc tịch nước ngoài, bao gồm:*

- Những chuyên gia do Bên nước ngoài trực tiếp cử vào Việt Nam để nghiên cứu, xây dựng, thẩm định hay thực hiện chương trình, dự án ODA (bao gồm cả kiểm tra, giám sát thi công, tư vấn kỹ thuật và đánh giá) theo quy định hay thỏa thuận trong các Điều ước Quốc tế về ODA đã được ký kết giữa Bên Việt Nam và Bên nước ngoài và được Bên nước ngoài thông báo trước bằng văn bản cho Bên Việt Nam;

- Những chuyên gia do Bên Việt Nam chỉ định mời hoặc thuê vào Việt Nam để nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, thực hiện chương trình, dự án ODA (bao gồm cả kiểm tra, giám sát thi công, tư vấn kỹ thuật và đánh giá) theo quy định hay thỏa thuận trong các Điều ước Quốc tế về ODA đã được ký kết giữa Bên Việt Nam và Bên nước ngoài.

2. Các đối tượng khác (bao gồm cả một số đối tượng quy định cụ thể dưới đây) đều không thuộc phạm vi áp dụng của Quy chế Chuyên gia nước ngoài:

- Nhân viên ngoại giao;

- Cá nhân người nước ngoài, người của các tổ chức nước ngoài ký hợp đồng hay thỏa thuận riêng rẽ với nhà thầu nước ngoài nhằm cung cấp hàng hóa, dịch vụ để thực hiện một phần hay toàn bộ các hoạt động thuộc chương trình, dự án ODA ở Việt Nam, không phân biệt chức năng, nhiệm vụ mà cá nhân đó đảm nhiệm hoặc tính chất công việc mà cá nhân đó tiến hành;

- Những người do nhà thầu nước ngoài cử làm đại diện, đầu mối quản lý, nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, thực hiện các chương trình, dự án ODA (bao gồm cả kiểm tra, giám sát thi công, tư vấn kỹ thuật và đánh giá) ở Việt Nam nhưng không phải là đối tượng quy định hay thỏa thuận trong các

Điều ước Quốc tế về ODA đã được ký kết giữa Bên Việt Nam và Bên nước ngoài.

3. Trường hợp có quy định khác trong các điều ước quốc tế mà Chính phủ Việt Nam tham gia hoặc ký kết thì thực hiện theo quy định tại điều ước quốc tế đó.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Miễn trừ dành cho chuyên gia:

Khi xuất nhập cảnh, việc miễn trừ thuế hải quan, thuế và phí khác cho chuyên gia và người thân (trừ phí lưu kho, cước vận chuyển và cước phí cho những dịch vụ tương tự) thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế Chuyên gia nước ngoài và Thông tư số 08/1998/TT-TCHQ ngày 16 tháng 11 năm 1998 của Tổng cục Hải quan.

2. Thủ tục xác nhận chương trình, dự án ODA:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ vào yêu cầu của các Bên hữu quan, tiến hành thẩm định và xác nhận chương trình, dự án ODA và các hoạt động có sử dụng chuyên gia nước ngoài.

Thủ tục xác nhận như sau:

- Cơ quan chủ quản dự án gửi văn bản đề nghị về Bộ Kế hoạch và Đầu tư kèm theo những nội dung cụ thể đề nghị tiếp nhận chuyên gia theo mẫu quy định tại Phụ lục I (*) và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đã cung cấp.

Trường hợp có văn bản xác nhận hoặc thông báo của Bên nước ngoài về việc cử chuyên gia thì phải gửi kèm theo văn bản đề nghị xác nhận của Cơ quan chủ quản dự án.

Trường hợp Bên Việt Nam chỉ định mời hoặc thuê chuyên gia thì phải gửi kèm theo văn bản đề nghị xác nhận của Cơ quan chủ quản dự án toàn bộ những giấy tờ có liên quan đến việc mời hoặc thuê chuyên gia.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được

văn bản đề nghị, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành xác minh từng trường hợp cụ thể, xác nhận những trường hợp hợp lệ theo mẫu quy định tại Phụ lục II (*) và gửi văn bản xác nhận cho các cơ quan có liên quan. Đối với trường hợp không hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ có văn bản trả lời chính thức trong đó nêu rõ lý do từ chối xác nhận.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan cần phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, bổ sung và hoàn chỉnh Thông tư hướng dẫn này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Thủ trưởng

VÕ HỒNG PHÚC

THÔNG TƯ số 03/2000/TT-BKH ngày 02/3/2000 hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03/2/2000 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

Thực hiện Điều 24 Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 2 năm 2000 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cụ thể một số điều về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh cá thể quy định tại Nghị định này và các mẫu giấy (*) dùng trong đăng ký kinh doanh, như sau:

(*) - Không in Phụ lục.

- Không in các mẫu giấy.